TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 22/4/2020

"V/v yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

+ *Các Hội thẩm nhân dân*: ông Trần Quang Binh và bà Ngô Thị Lai.

- ***Thư ký phiên toà***: ông Đỗ Văn Quyền là Thư kýToà án nhân dân huyện Kim Động

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Đội 4, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Đội 4, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 02/10/2009;

+ Cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 09/8/2016;

4. Người đại diện cho hai cháu V, T là: chị Bùi Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Đều ĐKHKTT: Đội 4, thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2018 và các lời khai tại Toà án của nguyên đơn là chị Bùi Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 19/01/2009. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng với bà nội anh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, nợ nần, nhiều lần chị phải trả nợ thay cho anh T, chị tham gia góp ý nhưng anh T không nghe do vậy vợ chồng đã xảy ra cãi nhau, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khoảng nửa tháng được sự động viên của hai bên gia đình chị lại về chung sống với anh T. Chị và anh T chung sống với bà nội anh T, nhiều lần bà cho rằng chị là người ăn trộm tiền của bà, chị có tâm sự với anh T, anh T không có ý kiến gì. Từ năm 2016 anh T đối xử với mẹ con chị lạnh nhạt. Khoảng tháng 11/2019 gia đình anh T nhận được tin nhắn trên Facebook cho rằng chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặc dù không có căn cứ chứng minh, chị khẳng định chị không có quan hệ nam nữ với người khác nhưng ngay buổi chiều hôm đó bố mẹ anh T đã mang trả chị về cho bố mẹ đẻ chị, mẹ đẻ chị nói chuyện với anh T để vợ chồng bình tĩnh tìm hiểu nguyên nhân nhưng anh T không nghe và kiên quyết nói sẽ ly hôn chị, kể từ đó anh T chặn mọi liên lạc với chị vì vậy chị không thể khắc phục để chung sống với anh T được nữa. Chị xác định đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Anh V, sinh ngày 02/10/2009 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 09/8/2016. Hiện nay chị đang nuôi cháu T, anh T nuôi cháu V. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cả hai cháu V và T vì chị không muốn chia tách các con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

* Cháu Nguyễn Anh V trình bày: cháu không biết bố mẹ cháu mâu thuẫn như thế nào. Hiện nay cháu đang ở với bố cháu và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được tiếp tục ở với bố cháu.

* Người làm chứng là ông Nguyễn Văn C (bố đẻ anh T) và bà Vũ Thị B (mẹ đẻ chị T) trình bày: chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M và có con chung như chị T trình bày.

Ông C xác định chị T và anh T mâu thuẫn từ năm 2014, do chị T có quan hệ nam nữ với người khác nhưng ông không có căn cứ chứng minh, sau đó chị T xin lỗi anh T vợ chồng lại về chung sống bình thường, khoảng tháng 11/2019 gia đình ông có nhận được tin nhắn trên Facebook thể hiện chị T có quan hệ với người đàn ông khác và chị T thừa nhận, gia đình ông có nói chuyện với gia đình chị T, chị T có lời nói hỗn náo với gia đình ông, sau đó chị T đã mang quần áo của chị T về gia đình nhà đẻ chị T ở từ đó đến nay. Nay chị T và anh T tiếp tục chung sống với nhau hay không là do anh chị ấy tự quyết định. Nếu chị T và anh T ly hôn về con chung của chị T và anh T đề nghị Tòa giữa nguyên như hiện nay, chị T nuôi cháu T, anh T nuôi cháu V cho đến

khi các cháu đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh T đi làm và lo toàn bộ chi phí sinh hoạt cho gia đình, vợ chồng ông chỉ giúp anh T trông nom, chăm sóc cháu V. Ông đã nhận thay các văn bản Tòa án gửi cho anh T như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; Thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản khác, ông đã thông báo cho anh T Toàn bộ các văn bản này. Anh T không đến Tòa án là do anh T phải đi làm không thể đến Tòa án được.

Bà B xác định: chị T và anh T chung sống đến tháng 02/2014 thì xảy ra cãi nhau, nguyên nhân gì bà không biết, chị T đã về gia đình bà ở nửa tháng thì được gia đình hai bên động viên nên chị T và anh T lại về chung sống với nhau. Đến khoảng đầu tháng 11/2019 gia đình anh T nhận được tin nhắn trên Facebook cho rằng chị T có quan hệ với người đàn ông khác nhưng không có căn cứ chứng minh, bà hỏi chị T bảo không có chuyện như vậy, ngay buổi chiều hôm đó bố mẹ anh T giao trả chị T cho vợ chồn bà, bà có khuyên bảo anh T nhưng anh T không nghe và chặn mọi liên lạc với gia đình bà. Bà thấy hiện nay chị T và anh T không thể khắc phục được mâu thuẫn, bà đề nghị Tòa giải quyết cho chị T ly hôn anh T và giải quyết về con chung theo quan điểm của chị T.

* Ủy ban nhân dân xã M cung cấp: thời gian, điều kiện kết hôn, con chung của chị T, anh T như chị T đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống chị T, anh T có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì các đương sự không qua hòa giải ở cơ sở mà nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và giải quyết về con chung trực tiếp tại Tòa án. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của chị T và anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn là chị Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa. Chị T đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn anh T. Về con chung: Chị xin được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Anh T, chị nhất trí để anh T nuôi cháu Nguyễn Anh V đến khi các cháu thành niên, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay cháu V đang ở ổn định với anh T và được anh T và ông bà nội chăm sóc tốt. Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đúng quy định của pháp luật, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, đương sự được triệu tập đúng thành phần, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền lợi của đương sự tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

+ Về con chung : Giao cho chị T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 09/8/2016 và giao cho anh T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 02/10/2009, cho đến khi các cháu V , T thành niên. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung . Chị T, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản: không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án , Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị T và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 19/01/2009, vợ chồng chung sống bình thường, tháng 02/2014 thì phát sinh mâu thuẫn sau đó được gia đình hai bên giải quyết , vợ chồng tiếp tục chung sống bình thường . Tháng 11/2019 đến nay mâu thuẫn trầm trọng , nguyên nhân do vợ chồng chưa có sự quan tâm , chăm sóc và sự tin tưởng lẫn nhau . Chị T đã ở nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11/2019 đến nay, từ khi ly thân chị T và anh T không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị T ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung là Nguyễn Anh V, sinh ngày 02/10/2009 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 09/8/2016. Hiện nay chị đang nuôi cháu T , anh T nuôi cháu V. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cháu T, chị nhất trí để anh T nuôi cháu V, đến khi hai cháu thành niên, chị T và anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu V ở với anh T ổn định, cháu T ở với chị T ổn định. Cháu V xin được ở với anh T , chị T nhất trí giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu V . Do vậy, giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu T, giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu V, đến khi cháu V và cháu T thành niên. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung . Chị T, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, khoản 1và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a kho ản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Tđược ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 09/8/2016 và giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Anh V, sinh ngày 02/10/2009, đến khi cháu V và cháu T thành niên. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Khi nào anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 001729 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị T đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại UBND xã nơi người vắng mặt cư trú./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Mai Động;
- VKSND huyện Kim Động;
- VKDND tỉnh;
- THA huyện Kim Động;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Oanh